

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt đồ án Điều chỉnh quy hoạch nông thôn mới
xã Vinh Mỹ, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2025,
định hướng đến năm 2030**

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Quy hoạch số 21/2017/QH14 ngày 24 tháng 11 năm 2017;
Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số Điều của 37 Luật có liên quan đến
quy hoạch số 35/2018/QH14 ngày 20/11/2018;*

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

*Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Thủ
tướng Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;*

*Căn cứ Nghị quyết số 72/NQ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ
về việc điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng
đất kỳ cuối (2016-2020) tỉnh Thừa Thiên Huế;*

*Căn cứ Quyết định số 1980/QĐ-TTg ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Thủ
tướng Chính phủ về việc ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới giai
đoạn 2016-2020;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-BXD ngày 01 tháng 3 năm 2017 của Bộ
Xây dựng hướng dẫn về quy hoạch xây dựng nông thôn;*

*Căn cứ Quyết định số 63/2016/QĐ-UBND ngày 21 tháng 9 năm 2016 của
UBND tỉnh ban hành Quy định về phân công phân cấp và ủy quyền công tác
quản lý quy hoạch - kiến trúc xây dựng trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế;*

*Căn cứ Công văn số 7434/UBND-QHXT ngày 10 tháng 10 năm 2019 của
UBND tỉnh Thừa Thiên Huế về việc thống nhất việc nghiên cứu dự án trên địa
bàn xã Vinh Mỹ, huyện Phú Lộc;*

*Căn cứ Quyết định số 4220/QĐ-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2017 của
UBND huyện về việc phê duyệt Rà soát, điều chỉnh quy hoạch nông thôn mới xã
Vinh Mỹ, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2020;*

*Căn cứ Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 16 tháng 8 năm 2016 của Thủ
tướng Chính phủ Phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông
thôn mới giai đoạn 2016 – 2020;*

*Căn cứ Quyết định số 1435/QĐ-UBND ngày 27 tháng 6 năm 2017 của
UBND tỉnh về việc ban hành quy định cụ thể một số tiêu chí, chỉ tiêu của Bộ tiêu
chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2016-2020 trên địa bàn tỉnh Thừa
Thiên Huế;*

Căn cứ Quyết định số 3921/QĐ-UBND ngày 26 tháng 12 năm 2019 của UBND huyện Phú Lộc về việc phê duyệt Nhiệm vụ điều chỉnh và dự toán quy hoạch nông thôn mới xã Vinh Mỹ, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Kinh tế và Hạ tầng tại Báo cáo thẩm định số 276/KTHT-TĐ ngày 07 tháng 05 năm 2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt đồ án Điều chỉnh quy hoạch nông thôn mới xã Vinh Mỹ, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 với các nội dung chủ yếu sau:

1. Vị trí và quy mô quy hoạch

a) Ranh giới, quy mô diện tích:

Quy hoạch sử dụng đất và hạ tầng thiết yếu cho phát triển sản xuất, kinh doanh, phát triển kinh tế - xã hội - môi trường, phát triển điểm dân cư đạt tiêu chí nông thôn mới trên toàn bộ địa giới hành chính xã Vinh Mỹ với ranh giới và quy mô diện tích như sau:

*** Ranh giới:**

- Phía Đông Bắc giáp biển Đông.
- Phía Đông Nam giáp xã Giang Hải.
- Phía Tây Nam giáp xã Vinh Hưng.
- Phía Tây Bắc giáp xã Vinh An thuộc huyện Phú Vang.

*** Quy mô quy hoạch:**

- + Diện tích quy hoạch 815,39 ha.
- + Diện tích khu trung tâm: 45,65ha.

b) Quy mô và cơ cấu dân số, lao động của xã giai đoạn 2020-2025:

- + Dân số hiện trạng năm 2019: 5.692 người.
- + Dự báo đến năm 2025, dân số của xã: 6.042 người (dự báo đến năm 2030 dân số của xã là 6.350 người)
- + Cơ cấu lao động đến năm 2025: Tổng số lao động trong độ tuổi 3.601 người; lao động trong các lĩnh vực nông nghiệp: 957 lao động, chiếm 26,58%, Ngư nghiệp, thủy sản: 193 lao động chiếm 5,37%; lao động phi nông nghiệp: 2.451 lao động, chiếm 68,05%.

2. Mục tiêu quy hoạch, tính chất, chức năng của xã:

- Rà soát quy hoạch nông thôn mới xã Vinh Mỹ đã được phê duyệt để bổ sung, điều chỉnh những nội dung còn thiếu so với quy định; bổ sung, điều chỉnh những nội dung chưa phù hợp, không phù hợp, những nội dung mới phát sinh; những nội dung đề xuất điều chỉnh, bổ sung quy hoạch phải đặt trong bối cảnh biến đổi khí hậu, xu hướng thích ứng và giảm nhẹ thiên tai.

- Kết quả rà soát, điều chỉnh quy hoạch nhằm:

+ Cung cấp công cụ điều hành phát triển kinh tế xã hội thiết thực, hiệu quả; cải thiện thu nhập và điều kiện sống của người dân ở các xã đầm phá và ven biển; nâng cao khả năng thích ứng của người dân với biến đổi khí hậu một cách bền vững, giảm mức độ thiệt hại ở các khu vực dễ bị tổn thương nhất.

+ Xây dựng xã Vinh Mỹ đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, kiểu mẫu cho giai đoạn 2020-2025. Đến năm 2025, có kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ theo quy hoạch; sản xuất nông nghiệp phát triển toàn diện theo hướng hiện đại; ngành nghề phi nông nghiệp phát triển gắn với quá trình đô thị hóa; đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân được nâng cao; môi trường sinh thái được bảo vệ; giữ vững trật tự an toàn xã hội.

+ Làm cơ sở pháp lý cho việc lập các dự án đầu tư xây dựng và quản lý xây dựng theo quy hoạch.

+ Định hướng sản xuất, hình thức tổ chức sản xuất, sinh sống, hệ thống công trình công cộng, hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng phục vụ sản xuất toàn xã.

3. Quy mô dân số, lao động, các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật chủ yếu:

a) Quy mô cơ cấu dân số, lao động:

- Dân số trung bình năm 2025 khoảng 6.042 người.

- Lao động toàn xã đến năm 2025 khoảng 3.601 người.

b) Quy mô, nhu cầu đất xây dựng:

Đến năm 2025, đất xây dựng toàn xã là 281,39 ha.

c) Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật chủ yếu:

- Tốc độ tăng trưởng bình quân hàng năm đạt từ 12-15%.

- Thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn tăng bình quân hàng năm khoảng 15-20%/năm, đến năm 2025 đạt 8,5 tỷ đồng.

- Thu nhập bình quân đầu người đến năm 2025 đạt trên 45 triệu đồng.

- Tổng sản lượng nuôi trồng và đánh bắt thủy sản hàng năm đạt 1.000 tấn.

- Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 65%.

- Tổng vốn đầu tư toàn xã hội tăng 17%/năm.

- Xây dựng xã Nông thôn mới nâng cao đến cuối năm 2025.

- Tập trung thực hiện các Chương trình kinh tế - xã hội trọng điểm gồm: Chương trình xây dựng Nông thôn mới nâng cao, Chương trình phát triển nuôi, trồng thủy hải sản, Chương trình phát triển kinh doanh - dịch vụ, Chương trình cải cách hành chính.

4. Quy hoạch sử dụng đất xã Vinh Mỹ đến năm 2025 và kế hoạch sử dụng đất kỳ cuối 2020 – 2025

4.1. Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2025 của xã Vinh Mỹ

a. Diện tích, cơ cấu các loại đất:

TT	Chỉ tiêu	Mã	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)
	TỔNG DIỆN TÍCH ĐẤT TỰ NHIÊN		815,39	100,00
1	Đất nông nghiệp	NNP	321,21	39,39
1.2	Đất lúa nước	LUC	33,75	10,51
1.3	Đất lúa nương	LUN		
1.4	Đất trồng cây hàng năm khác	BHK	52,25	16,27
1.5	Đất trồng cây lâu năm	CLN	134,46	41,86
1.6	Đất rừng phòng hộ	RPH	29,36	9,14
1.7	Đất rừng đặc dụng	RDD		
1.8	Đất rừng sản xuất	RSX	18,93	5,89
1.9	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	47,79	14,88
1.10	Đất làm muối	LMU		
1.11	Đất nông nghiệp khác	NKH	4,67	1,45
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	320,88	39,35
2.1	Đất xây dựng trụ sở cơ quan, công trình sự nghiệp	CTS	6,01	1,87
2.2	Đất quốc phòng	CQP	30,47	9,50
2.3	Đất an ninh	CAN		
2.4	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	CSK	10,95	3,41
2.5	Đất có mục đích công cộng	CCC	92,27	28,76
2.6	Đất cơ sở tôn giáo, tín ngưỡng	TIN	15,53	4,84
2.7	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, NHT	NTD	163,26	50,88
2.8	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON		

TT	Chỉ tiêu	Mã	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)
2.9	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	2,39	0,74
2.10	Đất phi nông nghiệp khác	PNK		
3	Đất chưa sử dụng	CSD	10,15	1,24
4	Đất du lịch	DDL	45	5,52
5	Đất ở	OCT	118,15	14,49

b. Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất trong kỳ quy hoạch 2019-2025:

Đơn vị tính: Ha

TT	Chỉ tiêu	Mã	Diện tích
1	Đất nông nghiệp chuyển sang đất phi nông nghiệp	NNP/PNN	118,81
1.1	Đất lúa nước	DLN/PNN	6,80
1.2	Đất trồng lúa nương	LUN/PNN	0
1.3	Đất trồng cây hàng năm còn lại	HNK/PNN	8,64
1.4	Đất trồng cây lâu năm	CLN/PNN	26,62
1.5	Đất rừng phòng hộ	RPH/PNN	11,83
1.6	Đất rừng đặc dụng	RDD/PNN	0
1.7	Đất rừng sản xuất	RSX/PNN	49,92
1.8	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS/PNN	15
1.9	Đất làm muối	LMU/PNN	0
1.1	Đất nông nghiệp khác	NNK/PNN	0
2	Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp		31,08
2.1	Đất chuyên trồng lúa nước chuyển sang đất trồng cây lâu năm	LUC/CLN	0,00

TT	Chỉ tiêu	Mã	Diện tích
2.2	Đất chuyên trồng lúa nước chuyển sang đất lâm nghiệp	LUC/LNP	0
2.3	Đất chuyên trồng lúa nước chuyển sang đất nuôi trồng thủy sản	LUC/NTS	0
2.4	Đất rừng sản xuất chuyển sang đất sản xuất nông nghiệp, đất nuôi trồng thủy sản, đất làm muối và đất nông nghiệp khác	RSX/NKR ^(a)	19,21
2.5	Đất rừng đặc dụng chuyển sang đất sản xuất nông nghiệp, đất nuôi trồng thủy sản, đất làm muối và đất nông nghiệp khác	RDD/NKR ^(a)	0
2.6	Đất rừng phòng hộ chuyển sang đất sản xuất nông nghiệp, đất nuôi trồng thủy sản, đất làm muối và đất nông nghiệp khác	RPH/NKR ^(a)	11,83

c. Diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng cho các mục đích:

Đơn vị tính: Ha

STT	Mục đích sử dụng	Mã	Diện tích
1	Đất nông nghiệp	NNP	0
1.1	Đất lúa nước	DLN	0
1.2	Đất trồng lúa nương	LUN	0
1.3	Đất trồng cây hàng năm còn lại	HNK	0
1.4	Đất trồng cây lâu năm	CLN	0
1.5	Đất rừng phòng hộ	RPH	0
1.6	Đất rừng đặc dụng	RDD	0
1.7	Đất rừng sản xuất	RSX	0
1.8	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	0
1.9	Đất làm muối	LMU	0
1.1	Đất nông nghiệp khác	NKH	0

STT	Mục đích sử dụng	Mã	Diện tích
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	4,99
2.1	Đất xây dựng trụ sở cơ quan, công trình sự nghiệp	CTS	0
2.2	Đất quốc phòng	CQP	0
2.3	Đất an ninh	CAN	0
2.4	Đất khu công nghiệp	SKK	0
2.5	Đất cơ sở sản xuất kinh doanh	SKC	0,1
2.6	Đất sản xuất vật liệu xây dựng gốm sứ	SKX	0
2.7	Đất cho hoạt động khoáng sản	SKS	0
2.8	Đất di tích danh thắng	DDT	0
2.9	Đất xử lý, chôn lấp chất thải	DRA	0
2.1	Đất tôn giáo, tín ngưỡng	TTN	0
2.11	Đất nghĩa trang, nghĩa địa	NTD	0
2.12	Đất có mặt nước chuyên dùng	SMN	0
2.13	Đất sông, suối	SON	0
2.14	Đất phát triển hạ tầng	DHT	1,36
2.15	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	0
3	Đất khu du lịch	DDL	6,5
4	Đất khu dân cư nông thôn	DNT	0,25
	<i>Trong đó: Đất ở tại nông thôn</i>	<i>ONT</i>	<i>0,25</i>

* Vị trí, diện tích các khu vực đất phải chuyển mục đích sử dụng được xác định theo Bản đồ Quy hoạch sử dụng đất xã Vinh Mỹ đến năm 2025 tỷ lệ 1/5.000, Báo cáo thuyết minh điều chỉnh quy hoạch nông thôn mới xã Vinh Mỹ.

4.2. Kế hoạch phân kỳ quy hoạch sử dụng đất đối với kỳ cuối 2019 – 2025 và định hướng đến 2030 của xã Vinh Mỹ với các chỉ tiêu chủ yếu như sau:

a. Diện tích các loại đất phân bổ trong kỳ kế hoạch:

Đơn vị tính: ha

TT	Chỉ tiêu	Mã loại đất	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	Năm 2030
	TỔNG DIỆN TÍCH ĐẤT TỰ NHIÊN		815,39	815,39	815,39	815,39	815,39	815,39	815,39	815,39
1	Đất nông nghiệp	NNP	406,27	339,11	337,06	339,06	330,03	319,21	321,21	321,21
1.2	Đất lúa nước	LUC	40,55	36,78	36,78	36,78	35,75	33,75	33,75	33,75
1.3	Đất lúa nương	LUN	0	0	0	0	0	0	0	0
1.4	Đất trồng cây hàng năm còn lại	HNK	60,89	60,89	55,25	55,25	52,25	52,25	52,25	52,25
1.5	Đất trồng cây lâu năm	CLN	162	160,36	153,28	153,28	143,28	134,46	134,46	134,46
1.6	Đất rừng phòng hộ	RPH	41,19	29,36	29,36	29,36	29,36	29,36	29,36	29,36
1.7	Đất rừng đặc dụng	RDD								
1.8	Đất rừng sản xuất	RSX	68,85	18,93	18,93	18,93	18,93	18,93	18,93	18,93
1.9	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	32,79	32,79	38,79	40,79	45,79	45,79	47,79	49,79
1.10	Đất làm muối	LMU								
1.11	Đất nông nghiệp khác	NKH			4,67	4,67	4,67	4,67	4,67	4,67
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	281,02	322,13	323,41	318,84	315,31	320,88	320,88	320,88

TT	Chỉ tiêu	Mã loại đất	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	Năm 2030
2.10	Đất phi nông nghiệp khác	PNK								
3	Đất chưa sử dụng	CSD	21,89	16,89	14,18	14,18	14,18	14,18	10,15	8,15
4	Đất du lịch	DDL	16,5	45	45	45	45	45	45	45
5	Đất ở	OCT	89,71	92,25	95,739	98,31	110,87	116,12	118,15	120,15

b. Kế hoạch chuyển mục đích sử dụng đất:

Đơn vị tính: ha

STT	Chỉ tiêu	Diện tích (ha)	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025
1	Đất nông nghiệp chuyển sang đất phi nông nghiệp	118,81	0	67,16	20,36	2	19,03	8,26	2
1.1	Đất lúa nước	6,8	0	3,77	0	0	1,03	2,00	0
1.2	Đất trồng lúa nương	0	0	0	0	0	0	0	0
1.3	Đất trồng cây hàng năm còn lại	8,64	0	0	5,64	0	3,00	0,00	0
1.4	Đất trồng cây lâu năm	26,62	0	1,64	8,72	0	10,00	6,26	0
1.5	Đất rừng phòng hộ	11,83	0	11,83	0,00	0	0	0	0
1.6	Đất rừng đặc dụng	0	0	0	0	0	0	0	0
1.7	Đất rừng sản xuất	49,92	0	49,92	0	0	0	0	0
1.8	Đất nuôi trồng thủy sản	15	0	0	6,00	2,00	5,00	0	2,00

2.1	Đất xây dựng trụ sở cơ quan, công trình sự nghiệp	CTS	0	0	0	0	0	0	0
2.2	Đất quốc phòng	CQP	0	0	0	0	0	0	0
2.3	Đất an ninh	CAN	0	0	0	0	0	0	0
2.4	Đất xử lý, chôn lấp chất thải	SKK	0	0	0	0	0	0	0
2.5	Đất khu công nghiệp	SKC	0	0	0	0	0	0	0
2.6	Đất cơ sở sản xuất kinh doanh	SKX	0	0	0	0	0	0	0
2.7	Đất sản xuất vật liệu xây dựng gốm sứ	SKS	0	0	0	0	0	0	0
2.8	Đất cho hoạt động khoáng sản	DDT	0	0	0	0	0	0	0
2.9	Đất di tích danh thắng	DRA	0	0	0	0	0	0	0
2.1	Đất tôn giáo, tín ngưỡng	TTN	0	0	0	0	0	0	0
2.11	Đất nghĩa trang, nghĩa địa	NTD	0	0	0	0	0	0	0
2.12	Đất có mặt nước chuyên dùng	SMN	0	0	0	0	0	0	0
2.13	Đất sông, suối	SON	0	0	0	0	0	0	0
2.14	Đất phát triển hạ tầng	DHT	1,36	1,36	0	0	0	0	0
2.15	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	0	0	0	0	0	0	0
3	Đất khu du lịch	DDL	6,5	0	0	6,5	0	0	0
4	Đất khu dân cư nông thôn	DNT	0,25	0	0,25	0	0	0	0
	<i>Trong đó: Đất ở tại nông thôn</i>	<i>ONT</i>	0	0	0	0	0	0	0

5. Cơ cấu phân khu chức năng, tổ chức không gian đô án quy hoạch

5.1. Cơ cấu phân khu chức năng, yêu cầu và nguyên tắc, định hướng giải pháp tổ chức không gian kiến trúc

a) Tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan khu trung tâm xã:

** Yêu cầu và nguyên tắc:*

- Khu trung tâm là bộ mặt của toàn xã, là nơi tập trung các cơ quan hành chính, chính trị, các cơ sở kinh tế, văn hóa, y tế, giáo dục, TDTT, thương mại – dịch vụ.

- Quy hoạch xây dựng khu trung tâm theo hướng đô thị hóa, theo các tiêu chí của Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới của Chính phủ. Đối với khu trung tâm, ngoài chức năng hạt nhân điều hành còn phải là nơi giao lưu thuận tiện cho người dân với chính quyền, mặt trận và các tổ chức chính trị - xã hội khác của xã.

- Trên cơ sở hiện trạng, quy hoạch phải xác định lại tính hợp lý của các công trình đã có trên thực tế. Phải tổ chức được không gian hợp lý, hướng mở rộng trung tâm, hướng phát triển dân cư và các khu kinh tế khác. Cần kết hợp hài hòa giữa kiến trúc, cây xanh, cảnh quan và hệ thống hạ tầng kỹ thuật. Triệt để khai thác hiện trạng để giảm thiểu tổng mức đầu tư, giảm thiểu đền bù, di dời các công trình kiến trúc cũng như nhà ở của người dân trong khu vực.

- Hệ thống trung tâm xã có các loại hình kiến trúc: Trụ sở UBND xã, trường học, trạm y tế, bưu điện, nhà văn hóa, chợ, trung tâm TDTT, nhà ở các khu dân cư....

** Định hướng giải pháp tổ chức không gian kiến trúc:*

- Khu trung tâm xã được quy hoạch dọc theo Quốc lộ 49B từ cầu Mỹ Lợi đến hết thôn 5 giáp xã Giang Hải. Mở rộng trung tâm xã về phía Nam, nâng tổng diện tích khu trung tâm lên 45,65 ha (tăng 15,65 ha). Trong đó giữ nguyên một số hạng mục công trình xây dựng đã có trong khu trung tâm như trụ sở UBND xã, trạm y tế, các trường học, quy hoạch các khu dân cư mới tại khu trung tâm...

b) Hệ thống thôn, bản, các khu dân cư tập trung:

** Yêu cầu và nguyên tắc:*

- Đáp ứng đầy đủ nhu cầu đất ở trên quan điểm tiết kiệm hạn chế chuyển từ đất sản xuất nông nghiệp (đặc biệt là đất lúa nước hai vụ có năng suất cao).

- Tiếp tục duy trì và chỉnh trang các điểm dân cư theo tính lịch sử truyền thống và tập quán sinh sống của nhân dân ở 5 thôn như hiện nay. Phát triển mới gắn với các điểm tập trung hiện hữu, hạn chế phát triển các điểm dân cư phân tán, nhỏ lẻ ngoài khu dân cư đã được quy hoạch.

- Bố trí xây dựng và phát triển các khu dân cư tập trung đáp ứng nhu cầu công nghiệp hoá, hiện đại hoá khu vực nông thôn.

- Bố trí dân cư phải ở những địa điểm có môi trường sinh thái tốt, không tác động xấu đến môi trường sinh thái chung và khu vực. Thôn xóm được bố trí

đọc theo các kênh hói, đường giao thông chính. Giao thông ngõ xóm bố trí vuông góc với đường kênh chính để đảm bảo tiêu thoát nước nhanh nhất.

- Tại các thôn, quy hoạch lại các điểm trung tâm thôn trên cơ sở hình thành các cụm công trình công cộng tập trung như nhà văn hóa, trường mầm non, sân chơi cho trẻ em, đình làng nhằm để tạo không gian trung tâm cho thôn xóm, vừa là nơi tập trung cứu hộ trong mùa mưa lũ.

- Tạo các dải cây xanh cách ly 5-7m dọc kênh hói, bảo vệ mương tiêu thoát nước. Sử dụng hàng rào cây xanh, tránh sử dụng hàng rào cứng để phân định giữa các hộ gia đình vừa tạo cảnh quan môi trường, vừa tạo các lối sơ tán thoát lũ khi cần thiết.

- Không gian nhà ở tổ chức phù hợp đặc điểm sản xuất của hộ gia đình: kinh tế vườn, chăn nuôi, nuôi thủy sản,...diện tích trung bình từ 300-500m²/hộ.

- Tại khu trung tâm và ven các đường chính nhà ở có diện tích nhỏ hơn (200 - 300m²) phía trước có kinh doanh dịch vụ.

- Bảo vệ các công trình tôn giáo tín ngưỡng, di tích lịch sử, cảnh quan có giá trị như cây xanh, bến thuyền, giếng cổ, am miếu cổ...

** Định hướng giải pháp tổ chức không gian kiến trúc:*

Thôn xóm bố trí dọc theo các đường giao thông chính. Giao thông ngõ xóm bố trí vuông góc với đường kênh chính để đảm bảo tiêu thoát nước nhanh nhất, cải tạo hệ thống giao thông (mở rộng các tuyến đường, tạo điểm tránh xe trong thôn xóm, tổ chức bãi đỗ kết hợp vườn hoa tại khu đất trống);

Tại các thôn, quy hoạch các điểm trung tâm thôn trên cơ sở hình thành các cụm công trình công cộng tập trung như nhà văn hóa, trường mầm non, khu thể thao thôn.

Tăng cường điện chiếu sáng trên các tuyến đường thôn xóm và khu vực công cộng; xây dựng bãi tập kết, thu gom sản phẩm; trồng cây xanh cách ly giữa khu dân cư và nghĩa trang.

Không gian nhà ở tổ chức phù hợp đặc điểm sản xuất của hộ gia đình: kinh tế vườn, chăn nuôi, nuôi thủy sản, làm dịch vụ khác...Diện tích 300-500m²/hộ. Với nhà ở kết hợp làm dịch vụ cần tổ chức không gian đón khách, nghỉ chân...

5.2. Trung tâm xã

a) Vị trí và quy mô khu trung tâm xã:

Khu trung tâm xã được quy hoạch dọc theo Quốc lộ 49B từ cầu Mỹ Lợi đến hết thôn 5 giáp xã Giang Hải với tổng diện tích khu trung tâm lên 45,65 ha.

b) Vị trí và quy mô diện tích các công trình công cộng trong khu trung tâm như sau:

- Trụ sở UBND xã: Giữ nguyên vị trí và diện tích theo hiện trạng; đã xây dựng trụ sở 2 tầng và khuôn viên sân vườn, cổng hàng rào.

- Trung tâm văn hóa – thể thao và khu vực tượng đài của xã: Nhà học tập cộng đồng kết hợp với nhà văn hóa xã tại trụ sở Hợp tác xã cũ (Thôn 5). Điều chỉnh mở rộng diện tích Trung tâm văn hoá, thể thao lên đến 16.534m².

- Trường học:

+ Trường Tiểu học Vinh Mỹ: Giữ nguyên tại vị trí cũ, điều chỉnh diện tích tăng 0,11 ha so với hiện trạng hiện nay.

+ Trường THCS Lâm Mộng Quang: Giữ nguyên tại vị trí cũ, điều chỉnh diện tích tăng 0,2 ha so với hiện trạng hiện nay.

- Trạm y tế: Giữ nguyên vị trí và diện tích theo hiện trạng hiện có.

- Chợ Vinh Mỹ: Giữ nguyên quy hoạch tại vị trí chợ hiện có, điều chỉnh mở rộng diện tích thêm 0,17 ha; tổng diện tích khu đất là 0,631 ha.

- Trung tâm thương mại: Điều chỉnh vị trí từ khu vực gần nhà thờ họ Nguyễn về tại vị trí gần cầu Bến đò với diện tích khoảng 8.622 m².

- Công viên cây xanh: Vị trí phía trước Trụ sở UBND xã; diện tích 0,38 ha (giảm 0,18 ha so với quy hoạch trước đây)

- Bru điện văn hóa: Vị trí theo hiện trạng đã có (đường vào chợ Mỹ Lợi); diện tích khoảng 200 m².

- Quy hoạch khu dân cư trung tâm xã: Giữ nguyên theo hiện trạng. Bổ sung thêm các khu dân cư dọc tuyến đường giao thông tại khu trung tâm xã.

5.3. Định hướng phân bổ hệ thống dân cư thôn, bản, khu dân cư mới

** Quá trình rà soát, giữ nguyên quy hoạch đã phê duyệt đối với tổ chức không gian thôn xóm xã Vinh Mỹ. Cụ thể như sau:*

- Tiếp tục ổn định và duy trì các thôn xóm hiện có trên địa bàn 5 thôn; cơ bản giữ nguyên hiện trạng các thôn, chỉnh trang và cải tạo lại các khu dân cư. Phát triển diện tích đất ở nông thôn xã Vinh Mỹ trên cơ sở đáp ứng đầy đủ nhu cầu đất ở cho nhân dân; tiết kiệm hạn chế chuyển từ đất trồng lúa có năng suất cao;

- Bố trí xây dựng và phát triển các khu dân cư tập trung, bám theo các trục giao thông chính; tiếp tục duy trì và chỉnh trang các điểm dân cư theo tính lịch sử truyền thống và tập quán sinh sống của nhân dân ở 05 thôn như hiện nay.

- Quy hoạch khu dân cư tập trung, gắn khu dân cư với khu sản xuất, gắn với tổng thể phát triển KT-XH của xã.

- Quy hoạch các khu định cư mới nhằm đảm bảo cho việc di dời dân các hộ bị sạt lở và các hộ cần sắp xếp lại.

- Quy hoạch, phân bổ dân cư theo các thôn như sau:

Giữ nguyên hiện trạng khu dân cư hiện có, bổ sung quy hoạch khu dân cư dọc các trục đường giao thông trên toàn địa bàn xã. Đối với đường quốc lộ 49B, quy hoạch sâu 85 m tính từ lộ giới, phân lô từ 200 – 400 m². Đối với các tuyến giao thông khác, đảm bảo lộ giới, phân lô khoảng 200-400m² bố trí đất ở mới.

** Điều chỉnh quy hoạch các nhà văn hóa các thôn tương ứng với trung tâm không gian các thôn như sau:*

- Quy hoạch trung tâm học tập cộng đồng kết hợp nhà văn hóa tại trụ sở hợp tác xã cũ, diện tích 0,2ha.

- Nhà văn hóa Thôn 1: Chuyển từ Trường tiểu học cơ sở thôn 1, diện tích: 1343 m²
- Nhà văn hóa Thôn 2: Chuyển từ Trường tiểu học cơ sở thôn 2, diện tích: 1920 m²
- Nhà văn hóa Thôn 3: Chuyển từ Trường tiểu học cơ sở 1 và mầm non thôn 3, diện tích: 1820 m²
- Nhà văn hóa Thôn 4: Chuyển từ Trường mầm non thôn 4, diện tích: 1420 m²
- Nhà văn hóa Thôn 5: Chuyển từ Trường mầm non thôn 5, diện tích: 1830 m²
- Bổ sung khu đất văn hóa mới tại khu vực cạnh Trường THCS Lâm Mộng Quang, diện tích: 2.744 m².

5.4. Quy hoạch sản xuất

a) Quy hoạch ngành nông nghiệp:

- Trồng trọt:

+ Cây lúa: Tiếp tục duy trì diện tích đất trồng lúa tại các xứ đồng ở các thôn 1, 3, 5 của hợp tác xã Toàn Lợi. Diện tích đất trồng lúa nước đến năm 2025 là 33,75 ha, nằm dọc bờ sông được bảo vệ bằng hệ thống đê bao vùng và diện tích được phân theo ô tập trung. Các vùng sản xuất lúa nước được quy hoạch ở các thôn 1, thôn 2 và thôn 5, các tuyến đường giao thông nội đồng và kênh mương được quy hoạch để tưới tiêu đến từng vùng sản xuất.

+ Cây hàng năm khác: Đến năm 2025, diện tích cây hàng năm còn lại 52,25 ha, phân bố rải rác trên tất cả 5 thôn và vùng cát nội đồng ở thôn 1, thôn 2, thôn 3 và thôn 4.

+ Cây lâu năm: Đến năm 2025, đất trồng cây lâu năm trên địa bàn xã còn khoảng 134,46 ha, chủ yếu trồng một số loại cây như măng cầu, chanh, Sapuchê, chuối, đu đủ, tiêu... tạo ra sản phẩm hàng hoá để cung cấp trên địa bàn của xã và các vùng lân cận.

- Lâm nghiệp:

+ Trong kỳ quy hoạch, đất rừng phòng hộ được duy trì với diện tích là 29,36 ha (Theo Quyết định 944/QĐ –UBND ngày 09 tháng 5 năm 2016 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế; và Quyết định số 1511/QĐ-UBND ngày 25 tháng 6 năm 2019 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế);

+ Đến năm 2025, diện tích rừng sản xuất là 18,93ha (*Theo Quyết định 944/QĐ–UBND của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế*). Trong kỳ quy hoạch, diện tích đất rừng sản xuất giảm 49,92 ha (*Chuyển sang đất nuôi trồng thủy sản: 14,48ha; chuyển sang đất trang trại, gia trại: 4,97 ha; chuyển sang đất quốc phòng – an ninh: 30,47ha*)

- *Thủy sản:* Điều chỉnh diện tích vùng nuôi trồng thủy sản trên cát đến năm 2025 47,79 ha. Nuôi cá nước ngọt trên ô đầm được bố trí ở thôn 1, 2, 5 theo vị trí cũ và có đê bao bảo vệ, khu nuôi trồng được bố trí từng ô và có hệ thống nước thoát. Quy hoạch các khu nuôi trồng thủy sản trên cát ở khu vực biển các thôn 1, 2, 3 với diện tích 14,48ha.

Quy hoạch hệ thống xử lý thoát nước thải tại các ao nuôi. Vận động các hộ dân nuôi trồng thủy sản dành 20-25% diện tích ao nuôi để làm hồ lắng, xử lý nước thải khu ao nuôi trước khi xả thải ra môi trường.

- *Chăn nuôi*: Đến năm 2025, bố trí 02 vùng chăn trại tập trung với tổng diện tích 5,33 ha; trong đó: tại khu vực thôn 1 chuyển vị trí từ khu vực đất rừng phòng hộ 2,75 ha sang vị trí mới tại khu vực đất trồng cây lâu năm với diện tích 2,56ha; thôn 4 với diện tích khoản 2,77 ha. Mỗi vùng, tập trung ứng dụng công nghệ khoa học kỹ thuật nâng cao chất lượng sản phẩm và bảo vệ môi trường.

b. Điều chỉnh, bổ sung quy hoạch ngành nghề phi nông nghiệp:

Đẩy mạnh các ngành nghề truyền thống của địa phương như: mộc, tiện, thợ xây, thợ may. Khuyến khích việc thành lập các tổ hợp tác sản xuất kinh doanh để thu hút lao động, giải quyết việc làm cho người dân. Đến năm 2020, điều chỉnh quy hoạch các ngành nghề phi nông nghiệp như:

- Khu vực thương mại 1 ở trung tâm xã (cạnh khu vực nhà thờ họ Nguyễn) chuyển mục đích thành khu dân cư mới. Xây dựng mới khu đất thương mại tại khu vực cầu Bến Đò, dọc đường quốc lộ 49B.

- Quy hoạch cây xăng cạnh cầu Bến Đò, đổi diện khu vực trung tâm thương mại mới, với diện tích 2749,9 m².

- Quy hoạch 02 khu vực bãi tắm cộng đồng tại biển Thôn 1 và thôn 4 với tổng diện tích là 10,9ha (trong đó tận dụng khai thác xen kẽ trong rừng phòng hộ 7,32ha). Thực hiện theo nguyên tắc giữ nguyên rừng phòng hộ, xen ghép sử dụng hiệu quả, đúng quy định giữa bảo vệ rừng phòng hộ và phát triển du lịch.

- Quy hoạch khu du lịch sinh thái nghỉ dưỡng tại thôn 1 với diện tích 39,60 ha.

6. Quy hoạch mạng lưới công trình hạ tầng kỹ thuật

6.1. Giao thông:

a) Giao thông đối ngoại:

- **Quốc lộ 49B**: Mặt cắt 1A-1A, lộ giới 44,0m; mở rộng, nắn thẳng đoạn Quốc lộ 49B đi qua địa bàn xã (chiều dài 1,0km)

- **Đường Tỉnh lộ 21**: Mặt cắt 1B-1B, lộ giới 31,0m; mở rộng nền đường, chiều dài 5,7km.

- **Đường ven biển (thôn 1,2,3,4)**: Mặt cắt 1C-1C, lộ giới 36,0m; mở rộng nền đường, chiều dài 3,42 km.

- **Trục kết nối không gian ven biển đi bãi tắm thôn 1**: Mặt cắt 1C-1C, lộ giới 36,0m; mở rộng nền đường, chiều dài 1,273 km.

- **Trục kết nối không gian ven biển đi bãi tắm thôn 3**: Mặt cắt 1C-1C, lộ giới 36,0m; mở rộng nền đường, chiều dài 2,1 km.

- **Đường liên xã**: Mặt cắt 2-2, lộ giới 16,5m (3,0m+10,5m+3,0m); Mở rộng, nâng cấp tuyến từ Bến Hồ - Cầu Lương Viện (xã Vinh Hưng) chiều dài 2.894m.

b) Giao thông đôi nội:

* **Đường liên thôn, trục thôn:** Mặt cắt 3-3, lộ giới 13,5m (3,0m +7,5m + 3,0m); gồm các tuyến:

- Liên thôn 1- 2 - 3: Tuyến đường giao thông từ ông Đoàn Thắng (Thôn 3) đến miếu xóm (Thôn 1) 1,87 Km;

- Tuyến từ cầu ông Uyñh đến ông Nguyễn Hà - Tỉnh lộ 21, chiều dài 0,86 Km;

- Từ ông Uyñh đến Quốc lộ 49B, chiều dài 1,85 km;

- Xây dựng đường vào chợ Mỹ Lợi (QL49B đến chợ Cá), chiều dài 0,26 Km.

- Làm mới, mở rộng tuyến đường từ thôn 1 (đoạn giáp tuyến liên xã Vinh Mỹ - Vinh Hưng) đến biên thôn 1, chiều dài 2 km, nền đường rộng 13,5 m;

- Làm mới, mở rộng tuyến đường từ khu vực thôn 2 (đoạn giáp tuyến liên xã Vinh Mỹ Vinh Hưng) đến biên thôn 2, chiều dài 2,1 km;

- Làm mới, mở rộng tuyến đường từ khu vực thôn 3 (đoạn giáp tuyến liên xã Vinh Mỹ Vinh Hưng, nhà thờ Họ Nguyễn) đến biên thôn 3, chiều dài 2,24 km.

- Mở rộng tuyến đường từ trường THCS Lâm Mộng Quang đến Tỉnh lộ 21 ra biên thôn 2, chiều dài 1,54 km;

- Mở rộng xây mới, tuyến đường liên thôn 1-3 Nguyễn Kiếm đến họ Đoàn, dài 1,87km;

- Mở rộng, xây mới đường trục thôn 3, chiều dài 0,44km;

- Mở rộng, xây mới đường trục thôn 4, chiều dài 0,43km;

* **Đường nội thôn, ngõ xóm:** Mặt cắt 4-4, lộ giới 7,5m (1,0m + 5,5m+1,0m); Mở rộng, xây mới tuyến đường xóm, tổng chiều dài 40,5km, trong đó mở mới 15,93 km, mở rộng nền đường lên trung bình 7,5 m.

* **Đường giao thông nội đồng:** Mặt cắt 5-5, lộ giới 5,0m (0,75m +3,5m + 0,75m). Xây dựng, mở rộng nền đường theo tiêu chuẩn cấp B của Bộ Giao thông vận tải; mở rộng các trục chính giao thông nội đồng và đường sản xuất, tổng chiều dài 2,84 km) mở rộng nền đường lên 5 m (kết hợp kênh tưới). Bao gồm:

- Tuyến từ bà Hường đến giáp đập Trung Quân, chiều dài 500m;

- Đường ra vùng sản xuất thôn 3, chiều dài 700 m;

- Tuyến từ cầu Miếu Đỏ đến thôn 3, chiều dài 660m;

- Tuyến từ ông Thắng đến cánh đồng Bầu Tròn (ra vùng sx thôn 4), chiều dài 500 m;

- Tuyến bên Khe, chiều dài 400 m;

- Tuyến bên Quảng, chiều dài 80m.

6.2. Thủy lợi

- Nâng cấp 0,4 km kênh mương đã bê tông hóa; mở rộng đầu tư các tuyến kênh mương mới với tổng chiều dài khoảng 38 km: tuyến dọc làng: 6 km; tuyến Lộ Mốc; tuyến Mỹ Lợi – Rộc; tuyến đập Trung Quân ra biển ở thôn 1, 2, 3, 4; các tuyến kênh mương thoát nước nội vùng trong khu dân cư.

- Xây dựng kênh đê bao bảo vệ vùng nuôi trồng thủy sản trên phá với diện tích 28,56 ha, tổng chiều dài 4 km, rộng 3m đảm bảo an toàn cho vùng nuôi trồng hạn chế những thất thoát khi có triều cường và lũ tiểu mãn.

- Duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa các công trình kênh mương thủy lợi hiện có để đáp ứng nhu cầu sản xuất nông nghiệp và dân sinh.

+ Nạo vét, đắp bờ kè chống sạt lở các tuyến kênh mương đã được kiên cố hóa.

+ Xây dựng kiên cố hóa các tuyến kênh, mương đất.

+ Hệ thống cấp thoát nước khu nuôi trồng thủy sản ở biển dài 3000m.

- Chú trọng nâng cấp xây dựng hệ thống thủy lợi, đê điều đảm bảo chống hạn, chống úng, nhiễm mặn, lũ lụt, xây đê chắn sóng bảo vệ tàu thuyền trồng trọt ven phá đảm bảo tốt sản xuất và đời sống người dân trong hoàn cảnh biến đổi khí hậu khắc nghiệt.

6.3. Cấp nước

- Xây dựng hệ thống cấp nước sạch trên toàn xã theo quy hoạch cấp nước tỉnh Thừa Thiên Huế (bao gồm nguồn nước và mạng lưới đường ống).

- Đường ống cấp nước chính được bố trí dọc theo các trục giao thông.

- Cấp nước cứu hỏa: Bố trí hệ thống, cơ sở vật chất PCCC đối với các công trình có yêu cầu PCCC. Trong đó có tận dụng nguồn nước sông, ao hồ trong khu vực làm nguồn nước chữa cháy bổ sung.

6.4. Thoát nước

Tuân thủ hiện trạng tiêu thoát, các hướng thoát nước hiện có gắn kết với các công trình thủy lợi đã định hình. Hệ thống thoát nước được thiết kế thoát chung ở khu vực nội thôn. Trong khu dân cư sử dụng hệ thống thoát nước chung với nước thải sinh hoạt, hoạt động theo chế độ tự chảy. Khu vực ruộng canh tác thoát nước nhờ vào hệ thống kênh mương thủy lợi, có sự hỗ trợ của các cống điều tiết và các trạm bơm tiêu khi ngập lụt. Khu vực nội thôn các rãnh hở được cải tạo thành rãnh lắp đan phục vụ mục đích thoát nước chung. Các rãnh chính từ đầu các thôn xây mới bằng gạch, đá có lắp đan. Hệ thống thoát nước được xây dựng đồng bộ gồm tuyến cống, cửa xả.

- Xây dựng hệ thống thoát nước chung giữa nước mưa và nước thải.

- Cải tạo, nâng cấp hệ thống tiêu thoát chính và tiêu thoát nội đồng.

- Cải tạo, liên thông hệ thống ao hồ, kênh mương tiêu nội đồng với hệ thống tiêu thoát nước mặt toàn xã, đào nối thông dòng chảy,

- Bố trí mương thoát nước B600x800 ở phía dân cư và các cống băng đường giao thông, bố trí rãnh thoát nước trên các trục đường liên thôn.

6.5. Hệ thống lưới điện

- Đủ nhu cầu cung cấp điện, không xây dựng mới các trạm biến áp. Cơ bản giữ nguyên quy hoạch, không điều chỉnh hệ thống mạng lưới điện theo quy hoạch đã được phê duyệt. Tập trung nâng cấp, cải tạo các trạm biến áp xuống cấp không đủ khả năng cung cấp điện, thay thế các tuyến dây hạ thế từ dây trần sang dây bọc.

- Bổ sung quy hoạch: Xây dựng tuyến đường điện chiếu sáng dọc tuyến tỉnh lộ 21; tuyến điện chiếu sáng Quốc lộ 49B; tuyến đường điện chiếu sáng giáp QL49B đến đình làng Mỹ Lợi.

6.6. Thoát nước thải, vệ sinh môi trường

a) Thoát nước thải:

- Hệ thống thoát nước sinh hoạt là hệ thống thoát nước chung, có xử lý nước thải tại nguồn phát sinh, cụ thể:

+ Xây dựng bể tự hoại hoặc bể bioga để xử lý phân, nước thải. Nước thải sinh hoạt phải xử lý bằng bể tự hoại trước khi xả vào hệ thống thoát nước chung. Chất lượng nước thải sau xử lý phải đạt tiêu chuẩn QCVN 14:2008/BTNMT.

+ Nước thải và phân gia súc từ các khu chuồng trại chăn nuôi lớn sẽ được xử lý bằng bể bioga, tạo năng lượng để đun bếp, thắp sáng.

b) Thu gom rác thải sinh hoạt:

- Bố trí các điểm thu gom rác, xây dựng các điểm chứa rác phù hợp với quy mô, địa hình dân cư, khoảng cách xa khu dân cư nhằm đảm bảo vệ sinh môi trường.

- Chất thải rắn sinh hoạt: phân loại chất thải rắn (CTR) ngay tại nguồn thành 2 loại vô cơ và hữu cơ. CTR hữu cơ cho chăn nuôi gia súc, ủ, tạo thành phân vi sinh phục vụ nông nghiệp. CTR vô cơ, chuyển về Điểm tập trung CTR của xã để vận chuyển lên khu xử lý CTR của thành phố. Điểm tập trung CTR có diện tích khoảng 500m², nền được láng xi măng, có dải cây xanh cách ly với đường giao thông.

- Trang bị mỗi thôn 2-3 thùng đựng CTR và từ 2 đến 3 xe đẩy tay để thu gom đến điểm tập kết CTR của xã. Từ điểm thu gom CTR của xã vận chuyển đến bãi chôn lấp Lộc Thủy.

6.7. Nghĩa trang, nghĩa địa

- Các nghĩa địa phân tán rải rác, từng bước đóng cửa, di dời về nghĩa trang tập trung khi có nhu cầu chuyển đổi mục đích sử dụng đất theo quy hoạch để xây dựng công trình.

- Vận động bà con nhân dân không tiến hành chôn cất người thân tại các diện tích đất nông nghiệp. Vận động di dời các đất nghĩa trang dọc các trục đường giao thông để phát triển các điểm dân cư mới. Đảm bảo không phát sinh thêm khu đất nghĩa địa.

- Không thực hiện quy hoạch đã phê duyệt trước đây, ưu tiên việc mai táng về nghĩa trang nhân dân tập trung tại thôn Nghi Giang và Nam Trường (thuộc Nghĩa trang vùng các xã Khu 3).

- Nghĩa trang nhân dân tập trung có dải cây xanh cách ly đảm bảo vệ sinh, theo mẫu chung phù hợp với tập quán, tâm linh của nhân dân, có cổng, tường rào bao quanh, phân chia các khu vực mai táng cụ thể (hung táng, cát táng). Trong nghĩa trang trồng cây xanh, có đường đi, mộ xây có hàng lối, có bộ phận quản lý. Các khu vực nghĩa địa cũ sau di chuyển mồ mã được sử dụng cho các mục đích công cộng: vườn hoa, bãi đỗ xe, khu tập kết thu gom sản phẩm nông nghiệp... đảm bảo phù hợp với quy hoạch.

7. Danh mục các dự án ưu tiên đầu tư và nguồn vốn:

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Tên chương trình, Đề án/ Tên công trình	Quy mô	Tổng mức đầu tư dự kiến	Trong đó		Giai đoạn 2020-2025
				Ngân sách NN	Huy động khác	
A	NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG					
I	Chương trình MTQG nông thôn mới		6.000	4.800	1.200	6.000
1	Cải tạo nâng cấp sân vận động		1.000	800	200	1.000
2	Sửa chữa đường giao thông thôn 5 (Trung tâm HTCD đến Chợ Lương Viện)	Dài 3.500m rộng 3m	2.000	1.600	400	2.000
3	Xây dựng mới tuyến đường giao thông thôn 1 (ông Lương Hoài Thông đến miếu xóm thôn 1)	Dài 320m rộng 3m	1.500	1.200	300	1.500
4	Hệ thống điện chiếu sáng (QL49B đến Đình Làng Mỹ Lợi)	Dài 890m	1.500	1.200	300	1.500
II	Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững		3.650	3.250	400	3.650

STT	Tên chương trình, Đề án/ Tên công trình	Quy mô	Tổng mức đầu tư dự kiến	Trong đó		Giai đoạn 2020-2025
				Ngân sách NN	Huy động khác	
1	Đường giao thông thôn 2 (Tuyến từ ông Giang đến bến Đùi)	Dài 400m; rộng 3m	1.150	1.000	150	1.150
2	Nâng cấp mở rộng đường giao thông thôn 2 (Trường THCS Lâm Mộng Quang đến tỉnh lộ 21)	Dài 1.200m; rộng 3,5m	2.500	2.250	250	2.500
B	NGÂN SÁCH TỈNH		23.500	23.500	0	23.500
1	Nâng cấp mở rộng trục giao thông Trung tâm xã (QL49B đến bãi biển du lịch cộng đồng thôn 3)	Rộng 6m; dài 2.000m	10.000	10.000		10.000
2	Đường kết hợp Mương thoát nước thôn 3,4	Dài 900m rộng 3m	5.000	5.000		5.000
3	Mở rộng Chợ Mỹ Lợi	1000 m ²	3.000	3.000		3.000
4	Cải tạo kênh mương thoát nước giữa làng	dài 6.000m	2.000	2.000		2.000
5	Hệ thống điện chiếu sáng (QL49B đến tỉnh lộ 21)	Dài 600m	1.500	1.500		1.500
6	Tuyến đường liên thôn 1-2 (ông Trương Thạnh đến nhà ông Nguyễn Hữu)	Dài 530m rộng 3m	2.000	2.000		2.000
C	NGÂN SÁCH HUYỆN		3.450	3.450	0	0
1	Cải tạo, mở rộng Nhà cải cách hành chính		700	700		

STT	Tên chương trình, Đề án/ Tên công trình	Quy mô	Tổng mức đầu tư dự kiến	Trong đó		Giai đoạn 2020-2025
				Ngân sách NN	Huy động khác	
2	Cổng, tường rào, nhà để xe Trạm y tế xã		700	700		
3	Hệ thống đài truyền thanh xã		700	700		
4	Cải tạo nâng cấp Bia chiến tích tại thôn 5		250	250		
5	Đường giao thông thôn 5 (Tuyến từ Họ Phan đến Chợ cá)	Rộng 3m; dài 250m	1.100	1.100		
6	Hệ thống điện chiếu sáng dọc đường QL49B	Dài 1.000m	1.000	1.000		
7	Xây dựng Nhà làm việc của Công an xã		850	850		
8	Nhà vệ sinh trường Tiểu học Vinh Mỹ,		400	400		
9	Nhà vệ sinh trường THCS Lâm Mộng Quang		400	400		
10	Xây dựng tường rào trường mầm non Vinh Mỹ		700	700		
11	Nạo vét các tuyến mương đập trung quân		500	500		
12	Xây dựng cầu thôn 2 (ông Xăng)		300	300		
13	Xây dựng cầu thôn 2 (Bà Hêm)		300	300		
14	Xây dựng mới tuyến đường liên thôn 2-3 (ông Xăng đến Cầu ông Ngử)	Xã Vinh Mỹ	1.800	1.800		

8. Quy định quản lý xây dựng theo quy hoạch (Có phụ lục kèm theo).

9. Giải pháp tổ chức thực hiện đồ án quy hoạch xây dựng

a) Giải pháp về huy động nguồn vốn đầu tư:

- Huy động đa dạng hóa vốn đầu tư; trong đó, phát huy nguồn nội lực trong nhân dân, huy động nguồn quỹ đất, khuyến khích thu hút đầu tư từ các thành phần kinh tế; xã hội hóa các lĩnh vực y tế, giáo dục, văn hóa, thể thao, cụ thể:

+ Nguồn vốn ngân sách nhà nước chủ yếu đầu tư các công trình kết cấu hạ tầng kỹ thuật; UBND xã cần phối hợp làm tốt công tác chuẩn bị đầu tư, vận động nhân dân hiến đất, tham gia giải phóng mặt bằng, đóng góp ngày công...

+ Quản lý tốt quy hoạch và quỹ đất kinh doanh để tạo nguồn thu từ quỹ đất để đầu tư cơ sở hạ tầng. Tổ chức cắm mốc chỉ giới xây dựng để giảm chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng khi triển khai các công trình xây dựng.

+ Đối với các dịch vụ cấp điện, nước sinh hoạt, bưu chính – viễn thông, yêu cầu các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ cần đầu tư hoàn chỉnh hạ tầng để đảm bảo chất lượng, an toàn, nhất là hạ tầng cấp điện.

+ Huy động đóng góp của nhân dân tham gia xây dựng nhà trẻ, lớp mẫu giáo, các công trình công cộng, đường thôn xóm, đường nội đồng, nhà sinh hoạt thôn, tổ chức thu gom rác thải; tranh thủ nguồn tài trợ của các tổ chức trong và ngoài nước đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng công cộng, dân sinh.

+ Hỗ trợ, tạo điều kiện để nhân dân mạnh dạn đầu tư kinh doanh, phát triển ngành nghề mới; hỗ trợ các hộ nông dân tiếp cận vay vốn ưu đãi của Nhà nước.

+ Giải quyết nhanh các thủ tục hành chính, tạo môi trường thông thoáng để khuyến khích và kêu gọi các doanh nghiệp bỏ vốn đầu tư kinh doanh vào địa bàn xã; đồng thời, đóng góp một phần xây dựng các công trình công cộng, bảo vệ môi trường, cải thiện điều kiện sản xuất và sinh hoạt của nhân dân.

+ Thực hiện các chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn theo Nghị định 61/2010/NĐ-CP của Chính phủ gắn với phát triển ngành nghề nông thôn.

b) Giải pháp phát triển nguồn lực:

Kiến toàn bộ máy quản lý nhà nước cấp xã phù hợp yêu cầu xây dựng nông thôn mới; tạo điều kiện cho đội ngũ cán bộ UBND xã, cán bộ các tổ chức đoàn thể được đào tạo nâng cao năng lực theo hướng chuẩn hóa.

Tranh thủ sự hỗ trợ của các trường đại học, các viện, trung tâm nghiên cứu, trung tâm đào tạo trong và ngoài tỉnh giúp đỡ đào tạo cán bộ, triển khai các hoạt động nghiên cứu – triển khai trên địa bàn xã.

Chú trọng đào tạo nghề: Phối hợp thực hiện có hiệu quả đề án đào tạo nghề cho lao động nông thôn giai đoạn 2020 - 2025; Thực hiện các chính sách hỗ trợ học nghề; khuyến khích, hỗ trợ các tổ chức, các nhà đầu tư đào tạo phát triển nghề, giới thiệu việc làm, nhất là cho lực lượng lao động trẻ.

Chăm lo phát triển giáo dục phổ thông để chuẩn bị lực lượng lao động mới có thể lực tốt, phát triển toàn diện về trí tuệ, ý chí, năng lực và đạo đức.

c) Giải pháp tăng cường ứng dụng tiến bộ khoa học – công nghệ:

Khuyến khích ứng dụng tiến bộ khoa học – kỹ thuật để nâng cao hiệu quả sản xuất, kinh doanh. Chú trọng ứng dụng công nghệ tiên tiến trong các khâu bảo quản sau thu hoạch, chế biến.

Phát triển đội ngũ khuyến nông viên cơ sở để hướng dẫn chuyển giao công nghệ kỹ thuật đến người dân. Tổ chức mạng lưới dự báo dịch bệnh để có giải pháp phòng trừ kịp thời. Xây dựng và nhân rộng các mô hình sản xuất, kinh doanh giỏi, nhất là trong nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản.

d) Giải pháp quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường:

Tăng cường quản lý nhà nước về bảo vệ tài nguyên – môi trường. Quản lý, khai thác sử dụng tiết kiệm, hiệu quả tài nguyên. Quản lý việc chuyển đổi mục đích sử dụng đất đúng pháp luật và quy hoạch, nhất là đối với những vùng đất trồng lúa. Thực hiện chính sách giao đất, giao rừng cho các hộ nông dân quản lý, sử dụng và khai thác ổn định, lâu dài.

Xây dựng quy ước của xã về xử lý rác thải, vệ sinh công cộng, trồng cây xanh, bảo vệ môi trường; thực hiện xử phạt hành chính trong lĩnh vực môi trường. Tổ chức nạo vét các sông, hói, giữ gìn cảnh quan; kết hợp giao khoán quản lý khai thác để nâng hiệu quả sử dụng diện tích mặt nước. Đưa các nội dung đánh giá tác động môi trường vào quá trình ra quyết định đầu tư; kiểm tra việc thực hiện đăng ký cam kết bảo vệ môi trường.

đ) Các giải pháp giảm nghèo và an sinh xã hội:

Giảm nhanh, bền vững hộ nghèo. Hướng dẫn, hỗ trợ người dân tiếp cận nguồn vốn vay phát triển sản xuất, tạo việc làm. Thực hiện các chính sách hỗ trợ của Nhà nước đối với các hộ chính sách, hộ nghèo, hộ cận nghèo.

Tổ chức thực hiện chính sách dân số, kế hoạch hóa gia đình; truyền thông, giáo dục nâng cao nhận thức của cộng đồng về chăm sóc sức khỏe, phòng ngừa bệnh tật, vệ sinh môi trường, vệ sinh an toàn thực phẩm.

e) Giải pháp nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước:

Tiếp tục xây dựng các tổ chức chính trị - xã hội vững mạnh. Nâng cao chất lượng hoạt động của Hội đồng nhân dân; năng lực quản lý, điều hành của Ủy ban nhân dân trên các lĩnh vực đời sống xã hội. Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức có phẩm chất, năng lực. Bồi dưỡng công tác quản lý Nhà nước cho cán bộ lãnh đạo theo chức năng. Chuẩn hóa trình độ của đội ngũ cán bộ, công chức đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước trong giai đoạn mới.

Tổ chức thực hiện nghiêm túc quy chế dân chủ ở cơ sở, tạo điều kiện để nhân dân được tham gia đầy đủ vào các quá trình ra quyết định ở địa phương.

Điều 2. Trên cơ sở Đồ án điều chỉnh quy hoạch nông thôn mới xã Vinh Mỹ đã được phê duyệt, các cơ quan có liên quan có trách nhiệm thực hiện các công việc sau:

a) UBND xã Vinh Mỹ:

- Là cơ quan trực tiếp điều hành, quản lý tổ chức thực hiện Quy hoạch này, có trách nhiệm tổ chức công bố công khai, phổ biến rộng rãi nội dung Quy hoạch này đến cấp ủy Đảng, các ngành, đoàn thể, các doanh nghiệp và nhân dân trong xã theo quy định của pháp luật.

- Tổ chức triển khai lập quy hoạch chi tiết xây dựng các điểm dân cư nông thôn và các dự án đầu tư xây dựng hạ tầng còn thiếu trong giai đoạn 2020-2025 theo quy hoạch đã được phê duyệt và các văn bản pháp luật hiện hành có liên quan.

b) Các ban, ngành cấp huyện có liên quan phối hợp hỗ trợ UBND xã lập kế hoạch hàng năm, lập các dự án đầu tư xây dựng, các hoạt động, giải pháp liên quan đến lĩnh vực phụ trách để thực hiện thành công các mục tiêu của Quy hoạch.

c) Ủy ban Mặt trận Tổ quốc xã, các tổ chức đoàn thể có trách nhiệm tuyên truyền, vận động nhân dân tham gia thực hiện, kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ, các quy định quản lý xây dựng của Quy hoạch.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 4220/QĐ-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2017 của UBND huyện Phú Lộc về việc phê duyệt Rà soát, điều chỉnh quy hoạch nông thôn mới xã Vinh Mỹ, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2020.

Điều 4. Chánh Văn phòng HĐND&UBND huyện Phú Lộc; Trưởng các phòng: Kinh tế và Hạ tầng, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài nguyên và Môi trường, Tài chính - Kế hoạch; Giám đốc Kho bạc Nhà nước huyện; Chủ tịch UBND xã Vinh Mỹ và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Sở Xây dựng;
- BCĐ chương trình XDNTM tỉnh;
- Thường vụ Huyện ủy;
- TT. HĐND huyện;
- CT & các PCT UBND huyện;
- VP: LĐ, CV;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Văn Mạnh